

Số: 1168 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 26 tháng 5 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 0303/CVLII ngày 03 tháng 03 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 0505/CV-LH ngày 05 tháng 05 năm 2023 của Công ty TNIII may mặc Langham về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất, gia công, thêu vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton – phân kỳ 1 tại đường số 07, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3131/TTr-STNMT ngày 10 tháng 5 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNIII may mặc Langham được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất, gia công, thêu vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton – phân kỳ 1 tại đường số 07, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:**

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất, gia công, thêu vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton – phân kỳ 1.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: đường số 07, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3900396737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2006, đăng

ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04 tháng 01 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 7620884273 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 04 năm 2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 01 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3900396737.

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất, gia công, thuê vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton.

1.6. Phạm vi, quy mô của Dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.2. Tổng diện tích: 76.196,5 m<sup>2</sup>.

1.6.3. Công suất: sản xuất và gia công hàng may mặc với quy mô 10.000.000 sản phẩm/năm; thuê vi tính trên hàng may mặc với quy mô 6.000.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH may mặc Langham:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH may mặc Langham có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và



phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Công ty TNHH May mặc LangHam;
- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. 12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chiến**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 168/GPMT – UBND  
 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn sau xử lý được dẫn nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng, không xả ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận dẫn nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng (đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp): Hợp đồng xử lý nước thải số 29/HĐ-XLNT ngày 01/9/2014.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt tại nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà vệ sinh phát sinh khoảng 54 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn bố trí tại các khu nhà vệ sinh gồm 05 bể, mỗi bể có thể tích 15 m<sup>3</sup>. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại được thu gom bằng đường ống PVC Ø200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận của Khu công nghiệp Trảng Bàng – QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn phát sinh khoảng 24 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về 01 bể tách dầu thể tích 25 m<sup>3</sup>. Nước thải nhà ăn sau bể tách dầu được thu gom bằng đường ống PVC Ø200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận của Khu công nghiệp Trảng Bàng – QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B.

- Nước thải sản xuất (nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi) lưu lượng 4m<sup>3</sup>/3 tháng, định kỳ 3 tháng/lần được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận của Khu công nghiệp Trảng Bàng theo đường ống thoát nước thải bằng PVC Ø200 chảy ra hố ga dẫn nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng theo Hợp



đồng xử lý nước thải giữa Công ty với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà xưởng → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý  $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nước thải nhà ăn tại nhà ăn → bể tách dầu → hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý  $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nước thải sản xuất (nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi) → hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → thiết bị tách rác → bể thu gom → bể điều hòa → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng.

Nước thải sau bể khử trùng thải ra hồ ga dầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng.

Hóa chất sử dụng: Chlorine.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 05 bể tự hoại (kích thước:  $15 \text{ m}^3/\text{bể}$ ), kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể tách dầu (kích thước:  $25 \text{ m}^3/\text{bể}$ ): vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể điều hòa, kích thước:  $4,6 \text{ m} \times 3,0 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ ; vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể sục khí sinh học tiếp xúc, kích thước:  $4,6 \text{ m} \times 4,5 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ , vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể lắng sinh học, kích thước:  $3,5 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ , vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể chứa bùn, kích thước:  $3,5 \text{ m} \times 2,5 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ , vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể khử trùng, kích thước:  $3,5 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 3,5 \text{ m}$ , vật liệu bê tông cốt thép.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải: sử dụng 01 bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để phòng ngừa ứng phó sự cố. Trong điều kiện hoạt động bình thường chiều cao mực nước của bể là 2,5 m tương ứng thể tích lưu chứa nước là 34,5 m<sup>3</sup> thời gian lưu là 5,5 giờ; Trường hợp xảy ra sự cố, chiều cao dự phòng là từ mực nước 2,5 mét đến 3,2 mét, tương đương 0,7 mét, tương ứng thể tích lưu chứa nước là 9,66 m<sup>3</sup> thời gian lưu là 1,6 giờ.

| STT | Hạng mục    | Thông số kỹ thuật                                                                           | Số lượng |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Bể điều hòa | Kích thước: L x W x H = 4,6m x 3,0m x 3,5m<br>Thể tích: 48,3 m <sup>3</sup><br>Vật liệu: RC | 01 bể    |

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường đúng theo quy định tại Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đúng theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép đầu nổi, tiếp nhận của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Trảng Bàng, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 



3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng. *ly*

## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *1168*...../GPM-T-UBND ngày *26* tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu biomass (viên nén mùn cưa, ...) vận hành lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

Vị trí 01: tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ (dòng khí thải số 1). Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1.227.740; Y = 590.178.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 60.000 m<sup>3</sup>/giờ;

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01: bụi, khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Đối với dòng khí thải số 1: chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số K<sub>p</sub> = 0,9, K<sub>v</sub> = 1,0 trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

| Stt | Chất ô nhiễm    | Đơn vị              | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục                                                                                                       |
|-----|-----------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lưu lượng       | m <sup>3</sup> /giờ | 20.000 < P ≤ 100.000      | 03 tháng/lần               | Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 2   | Bụi tổng        | mg/Nm <sup>3</sup>  | 180                       |                            |                                                                                                                                   |
| 3   | NO <sub>x</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 765                       |                            |                                                                                                                                   |
| 4   | SO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 450                       |                            |                                                                                                                                   |
| 5   | CO              | mg/Nm <sup>3</sup>  | 900                       |                            |                                                                                                                                   |



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 1: lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải cho nguồn số 01 theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,0$  Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống thoát cao 15 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi:

- 01 lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ, nhiên liệu đốt là biomass (viên nén mùn cưa,...).

- Quy trình công nghệ xử lý: khí thải → quạt hút → cyclone → tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH 10%) → ống thải.

- Công suất thiết kế: 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường đúng theo quy định tại Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đúng theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Công ty phải gửi

báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *kg*



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *MCQ*/GPMT-UBND  
 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ;
- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy cắt vãi;
- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của các máy may.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 1):  $X = 1.227.755$ ;  $Y = 590.178$  ;
- Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 2):  $X = 1.227.740$ ;  $Y = 590.173$
- Vị trí số 3 (tương ứng nguồn số 3):  $X = 1.227.738$ ;  $Y = 590.167$ ;
- Vị trí số 4 (tương ứng nguồn số 4):  $X = 1.227.735$ ;  $Y = 590.159$ ;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                        | 55                        | 1 năm/lần                  | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|---------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                           | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1  | 70                                                            | 60                  | 1 năm/lần                  | Khu vực thông thường |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *ly*



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số M.C&/GPMT-UBND*  
*ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| Stt              | Loại chất thải                                                                                                                               | Mã CTNH  | Khối lượng (kg/năm) | Trạng thái tồn tại |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------|--------------------|
| 1.               | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải                                                                                    | 16 01 06 | 32                  | Rắn                |
| 2.               | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải                                                                                                | 17 02 03 | 56                  | Lỏng               |
| 3.               | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | 37                  | Rắn                |
| 4.               | Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải                                                        | 08 02 04 | 26                  | Rắn                |
| 5.               | Pin, ắc quy chì thải                                                                                                                         | 19 06 01 | 15                  | Rắn                |
| 6.               | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải(KS)                                                                                 | 18 01 03 | 134                 | Rắn                |
| 7.               | Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp(KS)                                                             | 12 06 05 | 21.800              | -                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                                              |          | <b>22.100</b>       | <b>-</b>           |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

| TT               | Loại chất thải                     | Mã CT    | Khối lượng (tấn/năm) |
|------------------|------------------------------------|----------|----------------------|
| 1                | Phế phẩm vải thải                  | 12 09 09 | 343,3                |
| 2                | Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ | 18 01 05 | 50                   |
| 3                | Tro đáy, xỉ than và bụi từ lò hơi  | 04 02 06 | 28,8                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                    |          | <b>421,8</b>         |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

| STT              | Loại chất thải     | Khối lượng (tấn/năm) |
|------------------|--------------------|----------------------|
| 1                | Rác thải sinh hoạt | 219                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                    | <b>219</b>           |

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng chứa có nắp dậy.

#### **2.1.2. Kho lưu chứa:**

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 5,8 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

#### **2.1.3. Phương án xử lý:**

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bao bì, thùng chứa.

#### **2.2.2. Kho lưu chứa:**

- Một (01) kho lưu chứa chất thải thông thường, diện tích 100 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu chứa có tường tôn bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

#### **2.2.3. Phương án xử lý:**

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp dậy.
- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.
- Phương án xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.



## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT - BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thiết kế kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại các khu vực chứa hóa chất, khu vực chứa nguyên liệu, khu vực xưởng sản xuất, đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời, trình phương án phòng cháy chữa cháy của dự án đến cơ quan chức năng để được xem xét và phê duyệt.

- Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Xây dựng các chương trình huấn luyện, tập huấn cho công nhân viên những kiến thức về an toàn lao động, công tác cứu hộ, sơ tán khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~168~~ 168/GPMT-UBND  
ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

1. Dự án Nhà máy sản xuất gia công, thêu vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton tại đường số 07, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 với mục tiêu sản xuất và gia công hàng may mặc, quy mô công suất 10.000.000 sản phẩm/năm; giặt tẩy sản phẩm hàng may mặc, quy mô công suất 8.000.000 sản phẩm/năm; thêu vi tính trên hàng may mặc, quy mô công suất 6.000.000 sản phẩm/năm; in lụa hàng may mặc, quy mô công suất 2.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất thùng giấy carton, quy mô công suất 500 tấn sản phẩm/năm (không tái chế từ nguyên liệu giấy phế liệu).

2. Giấy phép môi trường này thực hiện cho phân kỳ 1 của Dự án Nhà máy sản xuất gia công, thêu vi tính, giặt tẩy, in lụa hàng may mặc và sản xuất thùng giấy carton với mục tiêu: sản xuất và gia công hàng may mặc, quy mô công suất 10.000.000 sản phẩm/năm; thêu vi tính hàng trên hàng may mặc, quy mô công suất 6.000.000 sản phẩm/năm.

3. Các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án (đã được phê duyệt trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2785/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh mà Công ty tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung sau:

**3.1. Công suất:**

- Giặt tẩy sản phẩm hàng may mặc, quy mô công suất 8.000.000 sản phẩm/năm;
- In lụa hàng may mặc, quy mô công suất 2.000.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất thùng giấy carton, quy mô công suất 500 tấn sản phẩm/năm.



(không tái chế từ nguyên liệu giấy phế liệu).

### 3.2. Các hạng mục công trình sẽ thi công xây dựng:

Thi công xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, cụ thể:

- Hạng mục chính: xây dựng nhà xưởng giặt tẩy, nhà xưởng sản xuất thùng carton, nhà xưởng in lụa.

- Hạng mục công trình phụ trợ: nhà bảo vệ 3.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: 02 hệ thống xử lý khí thải của 02 lò hơi công suất 1,5 tấn hơi/giờ; hệ thống xử lý bụi từ quá trình mài vải; hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn in lụa; cải tạo nâng công suất hệ thống xử lý nước thải lên 600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (xử lý nước thải phát sinh từ công đoạn giặt tẩy, bể chứa dung dịch hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi).

4. Sau khi Công ty thi công hoàn thành các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, xử lý chất thải và lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất cho toàn bộ Dự án, Công ty phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho toàn Dự án theo quy định pháp luật của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh.

trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.